

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng- Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Thôn T, xã T (nay là xã K), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn L, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1983; ĐKHKTT và hiện trú tại: Thôn T, xã T (nay là xã K), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- *Người làm chứng:* Bà Đoàn Thị Thái, sinh năm 1967; ĐKHKTT và hiện trú tại: Thôn T, xã T (nay là xã K), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Chị C, anh V đều có mặt; người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:*

+ Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T(nay là xã K), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương ngày 06/02/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng ở thôn Thiết Tái, xã K. Vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau

trong cách sống, sinh hoạt. Anh V không chịu làm ăn, kinh tế gia đình chủ yếu do một mình chị phải gánh vác. Nhiều lần chị bỏ đi, anh V có đến tìm, vì thương các con chị lại về. Chị đã đi vay tiền để anh V đi xuất khẩu lao động nhưng vẫn không chịu làm ăn, đi được ít ngày lại về. Để trả nợ, chị đã đi lao động ở Đài Loan, hàng tháng có gửi tiền về cho mẹ chồng để chăm lo cho các con. Trong thời gian chị lao động ở ngoài nước, mỗi khi chị gọi điện về anh V đều chửi, mắng, xúc phạm chị. Tháng 6/2024, chị về nước hẳn, nhưng chị không về đoàn tụ với anh V nữa, vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:* Về thời gian, điều kiện kết hôn thống nhất như chị C đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với bố mẹ anh tại thôn Thiết Tái, xã K. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thời điểm đó chị C xuất khẩu lao động sang Đài Loan, đến tháng 5/2024 thì mới về nước. Trong thời gian chị C đi nước ngoài, anh ở nhà nuôi con, chăm lo cho gia đình, còn chị C chỉ gửi cho con được vài thùng sữa, có tháng gửi 01 triệu, có tháng gửi 1,5 triệu đồng cho con, các chi phí khác cho gia đình chủ yếu do một mình anh lo liệu. Trong thời gian đó chị C bảo em trai gọi điện xúc phạm anh và em gái chị C dùng mạng xã hội Facebook lan truyền những thông tin không đúng, ảnh hưởng đến danh dự của anh. Tháng 5/2024 chị C về nước nhưng không về nhà mà về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh có đề nghị vợ chồng gặp mặt để giải quyết việc tình cảm giữa hai bên nhưng chị C tránh mặt không gặp. Bản thân chị C trong thời gian ở Đài Loan đã có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Nay chị C làm đơn xin ly hôn, anh xác định không còn tình cảm gì với chị C nhưng anh không nhất trí ly hôn vì: Trong thời gian chị C đi Đài Loan không đóng góp gì về kinh tế cho gia đình. Chị C và một vài người trong gia đình đã nhiều lần xúc phạm danh dự của anh.

- Về con chung: Chị C và anh V đều xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 05/11/2009 và Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/9/2012. Hiện nay cháu T1 đang ở với chị C, cháu T đang ở với anh V. Cháu T có nguyện vọng ở với anh V, cháu T1 có nguyện vọng ở với chị C. Anh chị đều thống nhất chị C xin nuôi dưỡng cháu T1, anh V đề nghị được nuôi dưỡng cháu T, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị C và anh V đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Kết quả làm việc với bà Đoàn Thị T (thím ruột anh V) xác định: chị C, anh V được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng anh V. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, cũng như làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Chị C đi làm nhưng không gửi tiền về nhà cho anh V chăm lo cho các con. Sau khi về nước, chị C không về sống cùng với anh V mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Anh chị có hai con chung như chị Vũ đã trình bày, hiện cháu đang ở với anh V. Cả hai cháu được anh V nuôi dưỡng, phát triển tốt, trường hợp anh chị ly hôn, đề nghị mỗi người nuôi một con.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã K, trưởng thôn T đều cung cấp: Anh V, chị C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống cùng với bố mẹ anh V ở Thôn T, xã T (nay là xã K). Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau trong cách sống sinh hoạt cũng như làm ăn kinh tế gia đình. Chị C đi xuất khẩu lao động nhưng không gửi tiền về cho anh V để chăm lo cho gia đình, con cái và kinh tế gia đình chủ yếu do một mình anh V gánh vác. Khoảng tháng 6/2024, chị C về nước nhưng không về ở cùng anh V mà về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không đoàn tụ với nhau. Vợ chồng có 02 con chung như anh chị đã trình bày, hiện đang ở với anh V. Nay, chị C xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, chị C vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh V và đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi một con chung. Chị xin nuôi cháu T1 để anh V nuôi cháu T (hiện cháu T1 đang ở với chị C, cháu T đang ở với anh V), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh V xác định tình cảm giữa anh và chị C không còn nhưng anh vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn với lý do anh đã trình bày. Về con chung; anh V xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp Tòa án giao cháu T cho anh nuôi dưỡng, cháu T1 cho chị C nuôi dưỡng thì anh cũng nhất trí, trong mọi trường hợp anh không yêu cầu cấp dưỡng. Anh đề nghị Tòa án xem xét khoản tiền đã cho chị C vay 2.000.000 đồng và một số khoản tiền khác.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho chị

Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn V; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/9/2012, giao cho anh Nguyễn Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 05/11/2009 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị C, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị C, anh V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Văn V kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T(nay là xã K), huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương vào ngày 06/02/2009 là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Theo chị C trình bày, anh V mãi chơi, không chịu làm ăn gì, mọi gánh nặng về kinh tế đều do chị gánh vác, chị đã vay mượn cho anh V đi lao động nước ngoài nhưng chỉ được ít ngày lại về nên chị phải tiếp tục đi để làm kinh tế, trong thời gian này, mỗi khi chị điện về thì anh V liên tục chửi bới, xúc phạm chị. Theo lời khai của anh V thì khi chị C đi làm ở nước ngoài anh phải ở nhà nuôi con, nhưng chị C không gửi tiền hoặc có gửi thì chỉ gửi rất ít cho con, mọi vấn đề kinh tế trong gia đình đều do anh gánh vác. Mặc dù anh V không đồng ý ly hôn chị C, tuy nhiên chính anh V cũng thừa nhận không còn tình cảm gì với chị C. Từ khi chị C về nước anh V cũng không có giải pháp nào dàn xếp chuyện tình cảm để vợ chồng về đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2024 đến nay. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị C được ly hôn với anh V là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 05/11/2009 và Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/9/2012. Xét quan điểm của chị C, anh V về nuôi dưỡng con chung, cũng như nguyện vọng của các con chung thấy rằng: Cả cháu T và cháu T1 đều đã trên 7 tuổi, cháu T muốn ở với bố, cháu T1 muốn ở với mẹ. Nguyện vọng của các con cũng phù hợp với quan điểm của chị C, anh V trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Xét thấy, chị C và anh V đều có việc làm,

có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, HĐXX giao cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đức T1, giao cho anh V được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mai Thanh T cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp với các điều 81, 82, 83 Luật HNGĐ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị C và anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, cả chị C, anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa, anh V mới có ý kiến đề nghị Tòa án xem xét về khoản tiền cho chị C vay và một số khoản tiền khác, HĐXX thấy rằng: Quá trình Tòa án giải quyết, các đương sự đều xác định không yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, nợ chung. Tòa án cũng đã giải thích trường hợp chị C, anh V thấy cần phải giải quyết về khoản tiền cho nhau vay và các khoản khác thì anh chị có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn bằng một vụ án khác. Vì vậy, HĐXX không giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị C khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Đức T1, sinh ngày 15/9/2012; giao cho anh Nguyễn Văn V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Mai Thanh T, sinh ngày 05/11/2009 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C, anh V không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Chị C, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai ký hiệu: BLTU/23, số: 0005821 ngày 06/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chi C, anh V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
 - Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
 - UBND xã K, huyện Tứ Kỳ
- (đề ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân